

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO SỐ 65



THÁNG 11. 2025

Lưu hành nội bộ



A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:**I. GIÁ GAO TRONG THÁNG 11: (Nguồn Oryza.com)**

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	THẤP NHẤT	CAO NHẤT	BÌNH QUÂN	So T10.25	So T11.24
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	341	359	348	+1	-152
	5% tấm	327	349	336	-1	-152
	25% tấm	320	337	327	-	-129
	Hom Mali 92%	1022	1094	1059	-14	50
	Gạo đỏ 100% Stxd	341	362	350	+2	-149
	A1 Super	312	323	316	-2	-91
VIỆT NAM	5% tấm	358	368	362	-11	-160
	25% tấm	340	354	344	-11	-146
	Jasmine	447	477	463	+150	-218
	100% tấm	307	318	312	-53	-108
ẤN ĐỘ	5% tấm	344	354	349	-1	-102
	25% tấm	331	342	335	-17	-102
	Gạo đỏ 5% Stxd	343	355	349	+29	-94
	100% tấm Stxd	304	311	307	-34	N/a
PAKISTAN	5% tấm	332	342	337	+18	-121
	25% tấm	310	322	317	+7	-103
	100% tấm Stxd	304	315	311	-15	-69
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	324	329	326	-275	-177
MỸ	4% tấm	565	584	575	-20	-193
	15% tấm (Sacked)	573	582	579	-162	-135
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	672	-146	-125
	Calrose 4%	850	867	857	+857	+28

II. SỰ KIẾN TRONG THÁNG:**1. Dự báo thị trường thương mại gạo toàn cầu:**

Cập nhật T11.2025	Sản lượng 2025/26	So 2024/25	Thương mại 2025/26	So 2024/25 2025/26	Tồn kho cuối kỳ 2025/26	So 2024/25
IGC	543,0	+0,37%	61,0	+3,39%	189,0	+1,07%
USDA	541,1	+0,04%	62,1	+1,80%	187,3	-0,58%
FAO	556,4	+1,20%	61,1	-1,13%	215,4	+2,23%

2. Dự báo tình hình xuất khẩu toàn cầu niên vụ 2025/2026:
(Theo USDA đến ngày 10/12/2025; ĐVT: triệu tấn)

Nước xuất khẩu	2022/23	2023/24	2024/25	2025/26 (T10.2025)	2025/26 (T11.2025)	So với tháng trước	So với cùng kỳ
Ấn Độ	17,733	17,300	17,800	25,000	25,000	-	+1,000
Thái Lan	8,736	10,000	10,000	7,200	7,200	-	-
Việt Nam	8,225	9,000	9,035	7,900	7,900	-	-
Pakistan	4,528	6,400	6,479	5,300	5,200	-0,100	+0,200
Campuchia	3,000	3,700	3,700	4,100	4,100	-	+0,100
Trung Quốc	1,602	1,150	1,115	0,900	0,900	-	-0,150
Mỹ	2,397	3,170	3,250	3,100	3,000	-0,100	-
Các nước khác	7,621	8,504	8,397	8,540	8,770	+0,230	-0,064
Cả Thế giới	53,842	59,224	59,776	62,040	62,070	+0,030	+1,086

3. Dự báo tình hình nhập khẩu toàn cầu niên vụ 2025/2026:
(Theo USDA đến ngày 10/12/2025; ĐVT: triệu tấn)

Nước nhập khẩu	2022/23	2023/24	2024/25	2025/26 (T10.2025)	2025/26 (T11.2025)	So với tháng trước	So với cùng kỳ
Philippines	3,900	5,300	5,300	5,500	5,500	-	+0,600
Trung Quốc	2,597	1,400	1,625	2,600	2,600	-	-
Indonesia	3,500	4,250	4,600	0,800	0,800	-	+0,100
Nigeria	2,000	2,400	2,400	3,000	3,000	-	+0,200
Iraq	1,845	2,150	2,150	2,225	2,225	-	+0,025

Bờ Biển Ngà	1,313	1,550	1,616	1,600	1,600	-	-0,250
Saudi Arabia	1,487	1,750	1,750	1,850	1,850	-	-
Senegal	1,300	1,400	1,400	1,650	1,650	-	-0,050
Malaysia	1,410	1,850	1,750	1,650	1,650	-	+0,050
Iran	0,751	0,800	0,750	1,050	1,050	-	+0,050
Liên Minh Châu Âu	2,183	2,300	2,350	2,200	2,200	-	-0,200
<i>Các nước khác</i>	<i>35,456</i>	<i>39,374</i>	<i>39,385</i>	<i>43,415</i>	<i>43,445</i>	<i>+0,030</i>	<i>+1,161</i>
Cả Thế giới	53,842	59,224	59,776	62,040	62,070	+0,030	+1,086

4. Các thị trường chính:

Chỉ số gạo trắng Oryza (WRI), giá xuất khẩu bình quân gia quyền gạo trắng toàn cầu, kết thúc tháng 11 ở mức 392 USD/tấn, giảm 2 USD/tấn so với tháng trước và giảm 150 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Các nghiên cứu khí hậu cho thấy rủi ro ngày càng tăng đối với sản xuất lúa toàn cầu. Một nghiên cứu lớn đăng trên Science Advances, cho thấy lũ lụt đã làm giảm khoảng 4,3% sản lượng lúa toàn cầu mỗi năm (tương đương 18 triệu tấn) trong giai đoạn 1980–2015. Cây lúa thường bị chết nếu bị ngập quá một tuần, trong khi biến đổi khí hậu khiến mưa cực đoan xảy ra thường xuyên hơn. Tại Ấn Độ, các khu vực như lưu vực sông Sabarmati ở Gujarat và Rajasthan đặc biệt dễ bị ảnh hưởng. Nghiên cứu khuyến nghị áp dụng giống lúa chịu ngập, cải thiện quản lý nước và đa dạng hóa cây trồng để giảm phụ thuộc vào lúa – là loại cây rất nhạy cảm với ngập lụt.

Trong khi đó, xu hướng nguồn cung toàn cầu hiện tương đối ổn định. Hội đồng Ngũ cốc Quốc tế (IGC) dự báo sản lượng lúa 2025/26 sẽ đạt 543 triệu tấn và thương mại toàn cầu tăng lên 61 triệu tấn. Tồn kho được dự báo đạt 189 triệu tấn, trong khi giá đã giảm xuống mức thấp nhất trong tám năm do hoạt động xuất khẩu yếu.

FAO dự báo tháng 11/2025 lạc quan hơn, dự báo sản lượng toàn cầu 2025/26 đạt 556,4 triệu tấn, nhờ thời tiết thuận lợi và năng suất cải thiện; tồn kho cuối kỳ đạt 215,4 triệu tấn, dù thương mại có giảm nhẹ.

Tuy nhiên, rủi ro khí hậu vẫn rất lớn. Hệ thống Thông tin và Cảnh báo Sớm Toàn cầu về Lương thực và Nông nghiệp của FAO cảnh báo rằng La Niña, hoạt động từ tháng 9/2025, có thể gây hạn hán tại Đông Phi, Trung Á và một phần châu Mỹ, đồng thời gây mưa lớn tại Ấn Độ, Đông Nam Á, Nam Phi và Úc. Các cực đoan này đe dọa năng suất cây trồng và an ninh lương thực, khiến giống chịu hạn, tưới tiêu hiệu quả, và hệ thống cảnh báo sớm trở thành ưu tiên cấp bách.

Ngoài ra, một nghiên cứu trên Lancet Planetary Health cho thấy biến đổi khí hậu đang làm tăng mức arsen vô cơ trong gạo. Nồng độ CO₂ và nhiệt độ cao hơn khiến hàm lượng arsen trong hạt gạo tăng, gây rủi ro sức khỏe lâu dài cho các quốc gia tiêu thụ nhiều gạo như Ấn Độ, Trung Quốc và Bangladesh. Các chuyên gia kêu gọi phát triển giống lúa ít arsen và thúc đẩy quy trình canh tác – chế biến an toàn hơn.

THÁI LAN:

Giá gạo tám 5% của Thái Lan kết thúc tháng 11 ở mức khoảng 362 USD/tấn, tăng khoảng 27 USD/tấn so với tháng trước nhưng giảm khoảng 133 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Ngành lúa gạo Thái Lan đang đối mặt với những xu hướng trái chiều nhưng có sự dịch chuyển rõ rệt. Sản lượng niên vụ 2025/26 dự kiến giảm nhẹ xuống 20,48 triệu tấn do diện tích gieo trồng vụ phụ giảm, dù nông dân tiếp tục cải thiện năng suất nhờ tưới tiêu tốt hơn, cơ giới hóa và các chương trình canh tác bền vững. Tiêu thụ nội địa duy trì ổn định ở mức 12,35 triệu tấn.

Đà xuất khẩu yếu. Thái Lan dự kiến xuất 7,5 triệu tấn, thấp hơn đáng kể so với 2023/24, do giá rẻ của Ấn Độ và sản lượng tăng của Việt Nam làm giảm khả năng cạnh tranh của gạo Thái, đặc biệt là gạo trắng, vốn giảm 41% trong đầu năm 2025. Tuy nhiên, các phân khúc cao cấp như gạo thơm và gạo đồ xuất khẩu tăng. Tồn kho tăng lên 3,92 triệu tấn, góp phần ổn định thị trường trong nước.

Thái Lan đang đàm phán hợp đồng G2G với COFCO (Trung Quốc) cho 500.000 tấn, và tổng lượng xuất khẩu từ tháng 1–10 đạt 6,65 triệu tấn. Nếu các lô hàng cuối năm tăng, tổng xuất khẩu có thể vượt 8 triệu tấn.

Ứng dụng công nghệ đang tăng tốc. Thái Lan triển khai AI, Thị giác máy tính, mạng lưới các thiết bị vật lý (IoT) và dữ liệu lớn để hỗ trợ nông nghiệp chính xác, khắc phục tình trạng thiếu nước và thúc đẩy lai tạo giống. Các giống lúa mới cho năng suất cao, thời gian sinh trưởng 90–100 ngày, giúp nông dân giảm chi phí và tăng khả năng chống chịu khí hậu.

Chính phủ đã đưa ra các biện pháp hỗ trợ lớn để ổn định giá trong bối cảnh dư nguồn cung. Các chương trình gồm: thu mua 3 triệu tấn lúa, cho vay lưu kho thêm 3 triệu tấn, và mở rộng các hội chợ gạo tại hơn 40 tỉnh. Kế hoạch dài hạn hướng đến giảm sản xuất vụ phụ, thúc đẩy gạo Jasmine và các giống GI, đồng thời hỗ trợ 200 nhóm nông dân theo mô hình “Nền kinh tế lúa gạo mới”.

Thị trường biến động mạnh, giá gạo Jasmine tăng lên 16.100 baht/tấn, ở mức cao nhất nhiều năm qua, nhờ các biện pháp can thiệp của chính phủ và nhu cầu mua mạnh tại các hội chợ. Ngược lại, nhiều nhà máy xay xát báo cáo

thua lỗ nặng khi giá lúa giảm xuống mức thấp nhất 20 năm, do dư cung và chi phí vận hành cao. Nhiều nhà máy còn bị áp lực từ lượng tồn kho với giá cao khi mua vào trước đó trong các chương trình hỗ trợ.

Dù chịu áp lực ngắn hạn, triển vọng vụ mùa 2025/26 vẫn ổn định nhờ mưa gió mùa thuận lợi và mực nước hồ chứa tốt. Các nhà xuất khẩu đang thích ứng với thách thức logistics gồm cước vận chuyển cao và thiếu container, bằng cách chuyển sang hợp đồng tàu rời và ghép chuyến để giảm chi phí.

ẤN ĐỘ:

Giá gạo tằm 5% của Ấn Độ kết thúc tháng 11 ở mức khoảng 346 USD/tấn, giảm khoảng 7 USD/tấn so với tháng trước và giảm 109 USD so với năm ngoái.

Mỹ và Canada đã nêu các quan ngại mới tại WTO trước cuộc họp Ủy ban Nông nghiệp ngày 24–26/11. Hai nước chất vấn Ấn Độ về giá hỗ trợ tối thiểu (MSP), chính sách dự trữ lương thực, và các biện pháp hỗ trợ xuất khẩu, cho rằng những chính sách này có thể làm ảnh hưởng thị trường toàn cầu, nhất là khi Ấn Độ hiện chiếm khoảng 40% thương mại gạo thế giới. Họ cũng yêu cầu làm rõ cách Ấn Độ dung hòa việc mua dự trữ tăng, xuất khẩu tăng (hiện điều chỉnh lên 24 triệu tấn), sản lượng kỷ lục và việc điều chuyển gạo dự trữ sang sản xuất ethanol, với các quy định WTO. Hai nước này lưu ý rằng Ấn Độ thường xuyên vượt trần trợ cấp 10% và thường phải viện dẫn “Điều khoản Hòa bình” năm 2013. Ấn Độ phản biện rằng MSP là thiết yếu cho nông dân nhỏ và an ninh lương thực, và rằng ngũ cốc trợ giá không được dùng cho mục đích xuất khẩu thương mại.

Tính đến ngày 1/11/2025, dự trữ lương thực của Ấn Độ tăng mạnh. Tồn kho gạo đạt 54,3 triệu tấn, tăng 23% so với năm ngoái và 21% so với tháng trước, cao hơn nhiều so với mức dự trữ tối thiểu 10,25 triệu tấn. Tổng dự trữ ngũ cốc trung ương tăng lên 85,231 triệu tấn, tăng 28% theo năm và 10% theo tháng. Gieo trồng lúa vụ Rabi diễn ra thuận lợi. Tính đến ngày 21/11/2025, nông dân đã gieo 826.000 ha, tăng 8,8% so với cùng kỳ. Trước đó, đến 17/11, diện tích gieo đạt 744.000 ha, tăng 9% theo năm. Lúa Rabi thường gieo từ tháng 10–12 và thu hoạch trong tháng 3–4.

Gió mùa Tây Nam 2025 đến sớm, mạnh và cao hơn 8% mức bình thường, cải thiện nguồn nước cho cả hai vụ Kharif và Rabi. Diện tích gieo trồng Kharif tăng 1%, đặc biệt ở các cây: lúa, ngô, ngũ cốc thô và mía đường.

Chính phủ đã công bố ước tính cuối cùng về sản lượng ngũ cốc vụ 2024/25, đạt 357,732 triệu tấn, tăng 7,65% so với năm trước. Sản lượng gạo ước đạt 150,184 triệu tấn, gồm 122,772 triệu tấn Kharif, 16,129 triệu tấn Rabi và

11,2 triệu tấn vụ Hè. Bộ trưởng Nông nghiệp cho biết mức tăng này đến từ các chương trình phúc lợi của Chính phủ.

CAMPUCHIA:

Ngành lúa gạo Campuchia ghi nhận tăng trưởng mạnh trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 10 năm 2025, với 6,15 triệu tấn sản phẩm gạo được xuất khẩu, trị giá 1,65 tỷ USD. Cả xuất khẩu lúa và gạo đều tăng mạnh so với năm 2024, phản ánh sản xuất cải thiện và nhu cầu toàn cầu cao.

Bất chấp các gián đoạn tại biên giới Thái Lan và việc chuyển sang sử dụng tuyến đường thủy thay thế cho các loại nông sản khác, lúa không được xuất khẩu sang Thái Lan.

Nhìn chung, ngành lúa gạo Campuchia vẫn duy trì khả năng phát triển tốt và tiếp tục mở rộng.

MIẾN ĐIỆN:

Theo Liên đoàn Gạo Miến Điện (MRF) đã xuất khẩu khoảng 1,2 triệu tấn gạo và gạo tấm, trị giá 408 triệu USD trong nửa đầu năm tài khóa 2025/26,. Trước đó, số liệu của MRF cho biết từ tháng 4 đến tháng 10, nước này đã xuất khẩu 1,5 triệu tấn, mang lại 499 triệu USD. Để đạt mục tiêu 3 triệu tấn cho cả năm, Miến Điện vẫn cần xuất thêm khoảng 1,8 triệu tấn.

Giá gạo trong nước vẫn chịu áp lực do mưa kéo dài và chất lượng hạt không đồng đều. Để hỗ trợ nông dân trước tình trạng giá suy yếu, MRF khuyến khích họ: Trồng các giống gạo được thị trường ưa chuộng; Bán trực tiếp cho các nhà máy xay xát; Thành lập hợp tác xã; Áp dụng mô hình hợp đồng liên kết và liên hệ các chi nhánh MRF khu vực để được hỗ trợ đảm bảo giá bán công bằng.

PAKISTAN:

Giá gạo 5% tấm của Pakistan kết thúc tháng 11 ở mức khoảng 349 USD/tấn, tăng khoảng 15 USD/tấn so với tháng trước nhưng giảm khoảng 108 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu gạo của Pakistan đã giảm mạnh 39% so với năm trước trong bốn tháng đầu năm tài khóa 2025/26, xuống còn 553 triệu USD, so với 907 triệu USD của cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu là Ấn Độ trở lại thị trường, giá quốc tế giảm, và gián đoạn các tuyến thương mại khu vực, khiến triển vọng xuất khẩu vốn đã giảm càng chịu thêm áp lực cho Pakistan trong bối cảnh thị trường hàng hóa toàn cầu biến động.

Các doanh nghiệp xuất khẩu cảnh báo rằng việc phục hồi đà tăng sẽ khó khăn, khi Pakistan phải đối mặt với cạnh tranh ngày càng gay gắt từ cả Ấn Độ và Việt Nam.

INDONESIA:

Indonesia đã tăng cường thực thi lệnh cấm nhập khẩu gạo sau khi thu giữ 250 tấn gạo nhập lậu tại Sabang, Aceh. Giới chức đã niêm phong lô hàng và một kho chứa liên quan đến PT MSG, công ty bị cáo buộc đưa gạo vào mà lô hàng không có giấy phép nhập khẩu. Hiện cuộc điều tra đang được tiến hành khi Chính phủ nỗ lực bảo vệ mục tiêu tự cung tự cấp lương thực và ngăn chặn nhập khẩu trái phép.

Tổng thống đã cấm nhập khẩu gạo vì nguồn cung trong nước đang dồi dào. Sản lượng lúa năm 2025, dự kiến tăng 13,54%, đạt 34,77 triệu tấn, nhờ điều kiện canh tác thuận lợi và năng suất cao hơn. Riêng giai đoạn tháng 9–12 dự kiến đạt 9,5 triệu tấn. Giới chức trách cũng cho rằng việc không nhập khẩu đã góp phần hạ nhiệt giá gạo toàn cầu.

Để tiếp tục củng cố an ninh lương thực, Tổng thống đã chỉ đạo xây dựng 100 kho dự trữ mới do Bulog quản lý nhằm mở rộng khả năng lưu trữ gạo và ngô thu mua từ nông dân trong nước. Với ngân sách 5.000 tỷ rupiah (khoảng 300 triệu USD), dự án hướng đến tăng cường năng lực sau thu hoạch, nâng cao khả năng dự trữ của chuỗi cung ứng và hỗ trợ mục tiêu tăng sản lượng năm 2025.

PHILIPPINES:

Hai cơn bão liên tiếp Kalmaegi và Fung-Wong — đã gây thiệt hại khoảng 3,7 tỷ peso (62,6 triệu USD) cho ngành nông nghiệp Philippines, ảnh hưởng tới 36.630 ha đất canh tác và gần 55.000 nông dân. Các thiệt hại này làm dấy lên lo ngại về mức độ dễ bị ảnh hưởng trước biến đổi khí hậu của Philippines và xảy ra trong thời điểm nhạy cảm về chính trị, khi bê bối tham nhũng trong dự án kiểm soát lũ lụt đang làm suy yếu niềm tin của nhà đầu tư.

Dù chịu thiệt hại do bão, Bộ Nông nghiệp Philippines cho biết nguồn cung gạo trong nước vẫn ổn định. Tính đến ngày 1/10/2025, lượng dự trữ gạo quốc gia đạt 2,354 triệu tấn, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước; Cơ quan Lương thực Quốc gia (NFA) vẫn nắm đủ lượng dự trữ để ổn định thị trường và phục vụ cứu trợ.

Để hỗ trợ nông dân và điều tiết giá, Chính phủ Philippines đã gia hạn lệnh cấm nhập khẩu gạo thường và gạo xay xát tốt đến 31/12/2025. Lạm phát gạo đã hạ nhiệt kể từ đợt tạm ngừng nhập khẩu hồi tháng 9, góp phần giữ lạm phát chung trong mục tiêu 2–4%. Philippines sẽ mở lại một khung nhập khẩu có kiểm soát 300.000 tấn vào tháng 1/2026 để bổ sung dự trữ, trước khi dừng nhập khẩu lần nữa trong vụ thu hoạch tháng 2–4. Thuế nhập khẩu gạo sẽ duy trì ở mức 15% đến năm 2028.

TRUNG QUỐC:

Quyết định của Trung Quốc mua 500.000 tấn gạo Thái Lan là một động lực lớn cho nền kinh tế xuất khẩu đang chững lại của Thái Lan, đồng thời thể hiện tín hiệu mạnh mẽ về quan hệ song phương đang phát triển. Thỏa thuận được xác nhận trong chuyến thăm cấp nhà nước của Nhà vua Thái Lan tới Bắc Kinh, điều này cho thấy nhu cầu ổn định của Trung Quốc đối với gạo chất lượng cao của Thái Lan, hỗ trợ nước này trong nỗ lực ổn định thu nhập nông dân và thúc đẩy xuất khẩu nông sản.

Trong khi đó, Trung Quốc đã giảm một số mức thuế đối với hàng nông sản nhập khẩu từ Hoa Kỳ. Từ ngày 10/11/2025, Bắc Kinh đã gỡ bỏ mức thuế trả đũa 10–15% đối với 740 mặt hàng của Mỹ, khiến gạo Mỹ trở nên cạnh tranh hơn. Tuy vậy, các loại thuế còn lại bao gồm thuế nhập khẩu 10% và khả năng áp dụng thuế bổ sung theo Mục 301/232 — vẫn khiến gạo Mỹ kém lợi thế hơn so với các nhà cung cấp như Thái Lan, Việt Nam, Pakistan và Miến Điện.

ÚC:

Sản lượng gạo của Úc trong niên vụ 2025/26 được dự báo giảm mạnh xuống còn 180.000 tấn — gần một nửa so với năm ngoái, chủ yếu do nguồn nước tưới tiêu hạn chế và giá nước giao dịch rất cao (khoảng 300 AUD/mégalít). Điều kiện này khiến việc canh tác lúa không còn hiệu quả về kinh tế, dẫn đến diện tích gieo trồng giảm 48% so với cùng kỳ, thuộc mức thấp nhất trong 15 năm qua (không tính các năm hạn hán nghiêm trọng).

Khi sản xuất giảm, xuất khẩu gạo được dự báo sẽ giảm xuống còn 130.000 tấn (-43% so với năm trước), mức thấp nhất kể từ các năm chịu hạn 2018/19–2020/21. Ngược lại, nhập khẩu dự kiến tăng lên mức kỷ lục 280.000 tấn để bù đắp thiếu hụt nguồn cung trong nước. Thái Lan, Ấn Độ và Việt Nam chiếm khoảng 80% tổng lượng gạo nhập khẩu của Úc.

Tiêu thụ trong nước vẫn được dự báo tăng nhẹ lên 420.000 tấn, được hỗ trợ bởi lượng tồn kho chuyển sang và tăng trưởng dân số. Tuy nhiên, do sản lượng giảm, tồn kho gạo được dự báo giảm mạnh từ 221.000 tấn xuống còn 131.000 tấn, khiến nguồn cung thắt chặt và có khả năng đẩy giá thị trường tăng cao.

NHẬT BẢN:

Giá gạo tại Nhật Bản đã tăng lên mức kỷ lục vào tháng 10/2025, với giá bán buôn đạt 37.058 yen/60 kg, cao gấp 1,6 lần so với cùng kỳ năm ngoái, do các khoản phụ phí cao trả cho nông dân sau đợt thiếu hụt gạo năm 2024. Giá bán lẻ cũng tăng mạnh, với trung bình 4.444 yen/5 kg, mức cao nhất từ trước đến nay.

Vụ thu hoạch 2025 đạt 7,468 triệu tấn, cao hơn khoảng 10% so với năm trước và vượt tới 500.000 tấn so với nhu cầu, có thể giúp hạ nhiệt giá, dù các quan chức cho rằng triển vọng vẫn còn bất định.

Để ổn định thị trường, Bộ Nông nghiệp Nhật Bản sẽ khôi phục chương trình dự trữ gạo quốc gia từ năm 2026, dự kiến mua 210.000 tấn thông qua 7 phiên đấu thầu từ tháng 1 đến tháng 6. Lượng dự trữ hiện tại đã giảm mạnh do xuất kho 590.000 tấn để hạ sốt giá — dự kiến sẽ phục hồi lên khoảng 400.000 tấn sau khi mua vào. Tuy nhiên, để đạt lại mục tiêu dài hạn 1 triệu tấn, Nhật Bản sẽ cần thêm vài năm, với các lô dự trữ mới chỉ bắt đầu nhập kho từ sau tháng 9/2026.

Nhật Bản dự báo sản lượng gạo năm 2026 sẽ đạt 7,11 triệu tấn, thấp hơn 2025 khoảng 370.000 tấn, nhằm hỗ trợ định hướng mới: sản xuất dựa trên nhu cầu, tránh dư thừa. Tân Bộ trưởng Nông nghiệp muốn chuyển khỏi các chính sách trước đây vốn khuyến khích tăng sản lượng. Dù giá bán lẻ có giảm nhẹ gần đây, nhưng vẫn duy trì trên 4.000 yen/5 kg trong 8 tuần liên tiếp.

Trong khi đó, Bộ Tài chính Nhật Bản ước tính việc dựa nhiều hơn vào dự trữ gạo tư nhân thay vì dự trữ nhà nước có thể tiết kiệm khoảng 38,7 tỷ yen (252 triệu USD) mỗi năm. Hệ thống dự trữ hiện tại tiêu tốn khoảng 40,3 tỷ yen/năm do chi phí lưu kho và lỗ khi bán lại, trong khi mô hình dự trữ tư nhân có thể giảm xuống còn khoảng 1,6 tỷ yen. Các quan chức cũng cho biết dự trữ tư nhân có thể đẩy nhanh tốc độ phân phối gạo trong thời kỳ gián đoạn nguồn cung, tránh tình trạng chậm trễ hành chính đã từng xảy ra trong đợt biến động giá gần đây.

HÀN QUỐC:

Sản lượng gạo của Hàn Quốc giảm năm thứ tư liên tiếp vào năm 2025, xuống còn 3,54 triệu tấn, mức thấp thứ hai từng được ghi nhận. Nguyên nhân chủ yếu là do diện tích canh tác tiếp tục thu hẹp, giảm xuống mức thấp kỷ lục 678.000 ha. Mặc dù diện tích giảm, năng suất lại tăng nhẹ, đạt 514 kg/100 m².

Xu hướng suy giảm dài hạn này cũng liên quan đến thay đổi thói quen ăn uống, khi mức tiêu thụ gạo của người dân Hàn Quốc giảm dần do họ chuyển sang chế độ dinh dưỡng đa dạng hơn, không còn phụ thuộc nhiều vào các bữa ăn truyền thống từ gạo.

BANGLADESH:

Giá lúa tại Bangladesh đã giảm trong vụ thu hoạch Aman hiện nay, chủ yếu do nhập khẩu gạo ổn định và quyền thương lượng của các nhà máy xay lớn. Lúa giống guti swarna khô đang được bán ở mức 1.200–1.250 taka/maund, thấp hơn so với năm ngoái, trong khi các giống chất lượng cao hơn cũng giảm 7–8% so với cùng kỳ. Nông dân cho biết biên lợi nhuận chỉ còn 1–2%, và nhiều người

buộc phải bán sớm để có tiền chuẩn bị vụ Boro. Gạo nhập khẩu rẻ hơn từ Ấn Độ tiếp tục gây áp lực giảm giá. Mặc dù giá thu mua của chính phủ là 1.360 taka/maund được đánh giá là hấp dẫn, nhưng nông dân khó giao lúa đã phơi khô hoàn toàn ngay sau thu hoạch. Trong khi đó, giá gạo bán lẻ tại Dhaka và Chattogram vẫn trên 55 taka/kg, không giảm tương ứng với giá thu mua tại ruộng.

Trong năm tài khóa 2025–26, Bangladesh đặt mục tiêu sản xuất 44,1 triệu tấn lương thực. Sản lượng Aman ước đạt 18,1 triệu tấn, với khoảng 20% diện tích đã thu hoạch. Vụ Aus không đạt mục tiêu 3,22 triệu tấn mà kết thúc ở 2,99 triệu tấn, trong khi vụ Boro dự kiến đạt 22,7 triệu tấn. Để tăng cường an ninh lương thực, Bangladesh dự kiến nhập khẩu 500.000 tấn gạo và 400.000 tấn lúa mì thông qua các thỏa thuận dài hạn với Miến Điện, Việt Nam, Pakistan và Hoa Kỳ. Năng lực lưu trữ đã đạt 2,39 triệu tấn, nhờ nhiều silo mới được đưa vào sử dụng.

Nhập khẩu gạo đã tăng mạnh, đạt 148,2 triệu USD trong quý 1 năm tài khóa 2025–26, tăng hơn 8,1% so với cùng kỳ năm ngoái, nhờ giá quốc tế giảm sau khi Ấn Độ nới lỏng hạn chế xuất khẩu năm 2024. Chính phủ đã phê duyệt nhập khẩu 500.000 tấn để tái xây dựng dự trữ và ổn định thị trường; khoảng 400.000 tấn đã cập cảng. Giá bán lẻ vẫn ổn định nhờ nguồn cung trong nước dồi dào và giá thế giới giảm.

Để hỗ trợ nông dân trong vụ Aman 2025, Chính phủ sẽ thu mua 700.000 tấn gạo và lúa từ nguồn trong nước, gồm: 600.000 tấn gạo đỏ với giá 50 taka/kg, 50.000 tấn gạo atap với giá 49 taka/kg, 50.000 tấn lúa tươi với giá 34 taka/kg — tất cả đều cao hơn mức thu mua năm ngoái. Chương trình diễn ra từ 20/11/2025 đến 28/2/2026.

Ngoài ra, Bangladesh đã phê duyệt nhập khẩu 50.000 tấn gạo đỏ phi basmati từ Ấn Độ với giá 356,78 USD/tấn. Cùng với kỷ lục 1,83 triệu tấn đã thu mua trong vụ Boro 2025, các biện pháp này nhằm tăng cường dự trữ và giữ ổn định thị trường.

SRI LANKA:

Công bố một kế hoạch thúc đẩy tăng sản xuất lúa trong nước bằng cách hạn chế nhập khẩu gạo và cải thiện hệ thống thu mua, nhằm bảo đảm nguồn gạo chất lượng cao với giá cả phải chăng, đồng thời bảo vệ thu nhập cho nông dân.

Tại một cuộc họp cấp cao ngày 25/11, các quan chức đã ưu tiên: điều chỉnh trợ cấp phân bón phù hợp với giá quốc tế, duy trì giá lúa cố định để ngăn ngừa tình trạng ép giá, nâng cấp cơ sở lưu trữ và hệ thống sấy lúa.

Chính phủ yêu cầu báo cáo chi phí theo từng quận/huyện để thiết lập mức giá bảo đảm phù hợp, đồng thời kêu gọi các cơ quan nhà nước tăng cường nguồn lực nhằm triển khai hiệu quả các biện pháp hỗ trợ. Nông dân bày tỏ sự ủng hộ đối với cách tiếp cận bài bản và dài hạn hơn của Chính phủ.

MỸ LATIN:

Giá gạo Nam Mỹ tiếp tục giảm mạnh: Uruguay 5% tằm đạt 453 USD/tấn (-16 USD/tháng), Argentina 403 USD/tấn (-30 USD/tháng), Brazil 462 USD/tấn (-12 USD/tháng), đều thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước.

Argentina: Sản lượng 2025/26 giảm nhẹ xuống 1,33 triệu tấn do diện tích gieo trồng giảm mạnh; giá lúa giảm 35–50% khiến lợi nhuận nông dân suy yếu. Xuất khẩu ước 450.000 tấn, tồn kho giảm còn 100.000 tấn.

Brazil: Nhu cầu xuất khẩu tăng nhưng đối mặt yêu cầu chất lượng khắt khe; gieo sạ tại Rio Grande do Sul đạt 89% tiến độ. Dự báo sản lượng 2026 giảm 6,5%, trong khi 2025 tăng mạnh. Chính phủ tái áp dụng chương trình hỗ trợ giá PEP/PEPRO trị giá 57 triệu USD.

Colombia: Ngành lúa thu hẹp, sản lượng giảm 3%, diện tích giảm 11% do dư cung và giá thấp. Tồn kho cuối vụ dự kiến giảm 36%.

Costa Rica: Sản lượng 2025 chỉ 65.000 tấn, thấp hơn 60% so với 2021; phụ thuộc nhập khẩu tới 85% nhu cầu ngũ cốc. Giá gạo nội địa giảm 7% nhờ nguồn cung dồi dào.

Mỹ, giá gạo 4% tằm giảm còn 565 USD/tấn (-30 USD/tháng; -195 USD/năm). Iraq xác nhận mua 88.000 tấn gạo hạt dài của Mỹ cho giao hàng năm 2026, duy trì ổn định thương mại dưới MOU, giúp củng cố đầu ra cho gạo Mỹ.

TRUNG ĐÔNG:

Theo báo cáo GIEWS mới nhất của FAO, sản lượng lúa năm 2025 của **Iran** đạt khoảng 3,8 triệu tấn, gần bằng mức trung bình nhiều năm. Diện tích gieo trồng cao hơn mức trung bình đã bù đắp phần nào việc giảm năng suất do thiếu nước tưới.

Mặc dù báo cáo không nêu rõ khối lượng nhập khẩu, Chính phủ Iran vẫn duy trì tỷ giá hối đoái ưu đãi (28.500 IRR/USD) cho các mặt hàng nhập khẩu thiết yếu, bao gồm cả nông sản nhằm kiềm chế lạm phát thực phẩm. Tuy nhiên, giá gạo tại Tehran đã tăng vọt, lập mức cao kỷ lục vào tháng 10/2025, cao hơn hơn ba lần so với tháng 10/2024, phản ánh áp lực lạm phát và nguồn cung gạo chất lượng cao bị thắt chặt.

Các chính sách đáng chú ý đang tác động đến thị trường ngũ cốc gồm: áp dụng tỷ giá nhập khẩu ưu đãi; cắt giảm trợ cấp bột mì từ tháng 6/2025, khiến giá

bột mì tăng khoảng 20% và nỗ lực liên tục của Chính phủ nhằm ổn định giá các mặt hàng thực phẩm thiết yếu.

CHÂU ÂU:

Nhập khẩu gạo của EU giảm 22% xuống 241.024 tấn, trong khi xuất khẩu tăng 41% lên 65.977 tấn; chủ yếu nhập gạo từ Miến Điện, Ấn Độ, Campuchia, Thái Lan và Pakistan; xuất khẩu tập trung vào gạo Japonica sang Anh, Thụy Sĩ, Belarus, Na Uy và Mỹ.

Hiệp định EU–Mercosur sắp được ký (20/12/2025) sau khi bổ sung cơ chế bảo hộ nông dân EU và điều khoản “phản chiếu”. Thỏa thuận sẽ xóa 4 tỷ euro thuế quan, tạo khu thương mại tự do 780 triệu dân và bao gồm hạn ngạch 60.000 tấn gạo miễn thuế từ Mercosur.

Ý phát hiện loài gây hại xâm lấn *Hydrella philippina* trong ruộng lúa, đe dọa tăng chi phí và giảm năng suất. Thị trường nội địa có tín hiệu trái chiều: chuyển giao lúa nguyên liệu tăng 12%, xuất khẩu nội khối EU giảm 4%, giá một số giống tăng nhẹ, các giống khác ổn định hoặc giảm; xuất khẩu gạo tằm tăng 11%.

Tây Ban Nha dự báo phục hồi mạnh năm 2025 với 696.500 tấn (+14% YoY) nhờ diện tích gieo trồng tăng 13% lên 97.000 ha.

CHÂU PHI:

Senegal tạm dừng khai báo nhập khẩu gạo trong 1 tháng để giải phóng lượng tồn kho nội địa lớn, khiến giá gạo 100% tằm của Ấn Độ giảm xuống 298 USD/tấn. Tồn kho Senegal tăng gấp đôi, làm nhu cầu giảm mạnh. Dù nguồn cung trong nước tăng, Senegal vẫn cần 1,65 triệu tấn nhập khẩu (70% nhu cầu).

Ghana đối mặt khủng hoảng lúa nghiêm trọng với hơn 1 triệu tấn lúa tồn, trị giá khoảng 330 triệu USD, do cạnh tranh từ nhập khẩu giá rẻ, chi phí chế biến cao và các nhà máy đóng cửa. Nông dân yêu cầu cấm nhập khẩu tạm thời (6 tháng) đối với gạo, ngô, đậu tương; hỗ trợ tín dụng và cơ chế giá công bằng. Ghana kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy xay xát tại Hội nghị Gạo Thế giới 2025 nhằm xử lý dư thừa và giảm chi phí nhập khẩu.

Rwanda, tình hình ngũ cốc nhìn chung ổn định, nhưng sản lượng gạo 2026 có nguy cơ giảm do mưa ngắn hạn yếu tại miền Đông. Nước này vốn phụ thuộc nhập khẩu nên nhu cầu nhập khẩu có thể tăng, trong khi đồng nội tệ yếu sẽ làm chi phí nhập khẩu cao hơn. Giá gạo dự kiến duy trì ở mức cao đến vụ thu hoạch 2026.

5. Thông tin thầu:**Nhật Bản:**

Nhật Bản gần đây cũng tổ chức và công bố nhiều gói thầu nhập khẩu gạo cho niên vụ 2025/26. Ngày 21/11/2025, nước này mở thầu 49.900 tấn gạo và đã mua toàn bộ số lượng, chủ yếu 39.000 tấn gạo hạt trung bình từ Mỹ và 10.900 tấn từ Thái Lan, với giá nhập khẩu bình quân 140.306 yen/tấn (tương đương 151.530 yen/tấn sau thuế).

Trong gói thầu SBS (Mua-Bán đồng thời) lần thứ tư, tổ chức ngày 14/11/2025, Nhật Bản đã mua và bán 20.004 tấn gạo, gồm 18.004 tấn gạo nguyên hạt và 2.000 tấn gạo tấm.

Bangladesh:

Bangladesh gần đây đã mở nhiều gói thầu quốc tế, mỗi gói 50.000 tấn gạo, với thời hạn nộp hồ sơ từ ngày 3/11 đến 1/12. Hầu hết các gói thầu yêu cầu giao hàng trong vòng 40–45 ngày sau khi ký hợp đồng và giao tại cảng Chittagong hoặc Mongla, trong đó có một gói thầu không chấp nhận gạo có xuất xứ Israel.

Tập đoàn Thương mại Pakistan (TCP) cũng đã phát hành gói thầu cung cấp 100.000 tấn gạo trắng hạt dài cho Bangladesh, hạn nộp hồ sơ ngày 28/11.

Ngoài ra, Bangladesh đã mua 50.000 tấn thông qua thầu trước đó cho Công ty Aditya Birla Global Trading (Singapore) với giá 354,19 USD/tấn cho niên vụ 2025/26.

III. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC: (Nguồn: www.xe.com)

Ngoại tệ	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân
Yuan Trung Quốc (CNY)	7,08	7,13	7,11
Euro (USD/Euro)	0,86	0,87	0,87
Rupiah Indonesia (IDR)	16.613,98	16.743,01	16.692,88
Malaysian Ringgit (MYR)	4,13	4,20	4,16
Philippines Peso (PHP)	58,60	59,14	58,87
South Korean Won (KPW)	1.427,78	1.476,25	1.457,27
Yen Nhật Bản (JPY)	153,01	157,44	155,05
Rupee Ấn Độ (INR)	88,44	89,61	88,81
Burmese Kyat (MMK)	2.099,04	2.099,97	2.099,61
Pakistan Rupees (PKR)	280,74	282,69	282,09
Baht Thái Lan (THB)	32,23	32,54	32,38
Vietnamese Dong (VND)	26.270,54	26.383,19	26.332,73

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:**I. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GẠO:****1. Kết quả xuất khẩu:**

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu từ ngày 01/11 đến 30/11/2025 đạt 374.288 tấn, trị giá 190,142 triệu USD, so với cùng kỳ về số lượng giảm 46,79% và về trị giá giảm 57,06%. Lũy kế xuất khẩu gạo đến 30/11/2025 đạt **7,535 triệu tấn**, trị giá **3,851 tỷ USD**, so với cùng kỳ 2024 giảm 10,88% về số lượng và giảm 27,37% về trị giá.

* Thị trường xuất khẩu 11 tháng năm 2025:

Thị Trường	Số lượng (tấn)	Trị giá (USD/tấn)	Chiếm (%)
Philippines	3.007.445	1.480.720.771	39,92%
Ivory Coast	988.073	451.236.862	13,11%
Ghana	873.255	490.190.963	11,59%
China	686.512	346.458.692	9,11%
Malaysia	468.109	219.359.684	6,21%
Senegal	166.484	51.874.328	2,21%
Singapore	139.820	80.307.538	1,86%
Bangladesh	105.132	50.026.439	1,40%
Mozambique	97.714	54.182.685	1,30%
United Arab Emirates	60.996	38.918.429	0,81%
Cuba	60.060	32.052.821	0,80%
Hongkong	56.447	34.007.390	0,75%
Indonesia	40.842	18.596.150	0,54%
Campuchia	37.247	23.099.022	0,49%
Australia	36.793	27.969.291	0,49%
Saudi Arabia	35.240	23.253.306	0,47%
United States of America	29.884	26.223.843	0,40%
Taiwan	17.044	9.798.404	0,23%
Netherlands	12.966	9.881.044	0,17%
Poland	11.174	8.508.048	0,15%
Turkey	10.920	6.686.210	0,14%
South Africa	8.393	5.434.987	0,11%
Tanzania	5.776	3.726.903	0,08%
Russia	5.481	3.300.701	0,07%
France	4.019	3.130.442	0,05%
Chile	3.408	2.161.121	0,05%
Spain	2.630	1.939.438	0,03%
Ukraine	2.215	1.518.005	0,03%
Angola	1.398	714.813	0,02%
Iraq	318	254.267	0,00%
Brunei	110	112.174	0,00%

Belgium	108	89.235	0,00%
Angieri	100	89.624	0,00%
Các nước khác	558.432	345.032.157	7,41%
TỔNG CỘNG	7.534.545	3.850.855.787	100,00%

2. Bảng tàu xếp hàng:

Từ ngày 01/11 – 30/11/2025 có 15 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Thới xếp hàng với số lượng dự kiến 138.400 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Andromeda	HCM	02/11/2025	27.000	Châu Phi
2	Kiến Hưng	HCM	02/11/2025	2.500	Philippines
3	Quang Minh 5	HCM	03/11/2025	4.500	Malaysia
4	VTV Dragon	HCM	03/11/2025	4.000	Philippines
5	Nashico 08	HCM	04/11/2025	4.700	Malaysia
6	TTC An Bình	HCM	04/11/2025	4.000	Malaysia
7	Hòa Bình 45	HCM	13/11/2025	4.500	Malaysia
8	Hoàng Phương Star	HCM	13/11/2025	4.400	Malaysia
9	Long Tân 03	HCM	13/11/2025	4.800	Philippines
10	Quang Minh 29	HCM	13/11/2025	6.100	Malaysia
11	Phú An 368	Mỹ Thới	14/11/2025	4.000	Philippines
12	Quang Minh 18	HCM	17/11/2025	3.500	Malaysia
13	Quang Minh 9	HCM	18/11/2025	4.500	Malaysia
14	Mekong Star	Mỹ Thới	21/11/2025	2.900	Philippines
15	Dubai Crown	HCM	22/11/2025	50.000	Châu Phi
Tổng				138.400	

II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:**1. Tiến độ sản xuất:**

Theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi Trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

* Tính đến ngày 30/11/2025:

+ Vụ Thu Đông 2025: xuống giống được 621 ngàn ha/638 ngàn ha diện tích kế hoạch, thu hoạch được 387 ngàn ha với năng suất khoảng 57,77 tạ/ha, sản lượng ước đạt 2,237 triệu tấn lúa.

+ Vụ Mùa 2025-2026: xuống giống được 160 ngàn ha/175 ngàn ha diện tích kế hoạch, bắt đầu thu hoạch được 1 ngàn ha.

+ Vụ Đông Xuân 2024-2025 đã xuống giống được 167 ngàn ha/1,266 triệu ha đã đạt 13,17% diện tích kế hoạch.

2. Giá lúa gạo nội địa ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long:

Loại Hàng	Giá cao nhất	Giá thấp nhất	Giá BQ	So với T10/2025	So với T11/2024
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>					
Hạt dài	6.250	5.100	5.454	-25	-2.848
Lúa thường	5.250	4.950	5.120	-40	-2.079
<u>Lúa Khô/ Ướt Tại Kho</u>					
Hạt dài	7.750	6.050	6.672	-77	-3.293
Lúa thường	6.550	5.850	6.274	-116	-2.603
<u>Gạo Nguyên Liệu</u>					
Lứt loại 1	9.250	7.850	8.198	-125	-4.027
Lứt loại 2	8.050	7.575	7.826	-233	-2.674
Xát trắng loại 1	9.850	8.500	9.155	-466	-5.508
Xát trắng loại 2	9.050	8.550	8.883	-179	-3.658
<u>Phu Phẩm</u>					
Tấm ½	7.650	7.200	7.416	+40	-1.432
Tấm 2/3	7.450	7.050	7.261	+95	-279
Tấm ¾	7.500	6.850	7.129	+16	-4
Cám xát	7.050	6.700	6.878	+80	+758
Cám lau	7.350	6.650	6.917	+127	+794
<u>Gạo TPXK Không Bao Tại Mạn</u>					
Gạo trắng 5% tấm	9.450	8.600	9.151	-287	-3.914
Gạo trắng 10% tấm	9.350	8.800	9.113	-178	-3.888
Gạo trắng 15% tấm	9.250	8.400	8.907	-281	-3.866
Gạo trắng 20% tấm	8.600	8.300	8.425	-295	-4.350
Gạo trắng 25% tấm	8.700	8.000	8.516	-270	-3.874
